

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 55/2023/HS-ST

Ngày 15 - 6 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Doãn Thị Vệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn L, sinh năm 1964 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và con bà Phạm Thị T (đã chết); vợ là Trần Thị C; con có ba con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991 (đã chết); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/4/2023 đến 18/4/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc G và con bà Ngô Thị V (đã chết); vợ là Nguyễn Thị H; con có hai con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Quá trình hoạt động: Tháng 2 năm 1985 đi nghĩa vụ quân sự đến tháng 9 năm 1988 xuất ngũ về địa phương cho đến nay.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/4/2023 đến 18/4/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

3. Họ và tên: Đinh Văn K, sinh năm 1974 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Ngọc T (đã chết) và con bà Ngô Thị N (đã chết); vợ là Nguyễn Thị H; có hai con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/4/2023 đến 18/4/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

4. Họ và tên: Lâm Văn T, sinh năm 1967 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn H (đã chết) và con bà Dương Thị L; vợ là Dư Thị S; con có ba con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/4/2023 đến 18/4/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

5. Họ và tên: Phùng Đình H, sinh năm 1963 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đình N (đã chết) và con bà Đỗ Thị B (đã chết); vợ là Nguyễn Thị N; con có hai con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không.

Quá trình hoạt động: Tháng 2 năm 1982 đi nghĩa vụ quân sự đến tháng 7 năm 1985 xuất ngũ về địa phương cho đến nay.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/4/2023 đến 18/4/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1959 (vắng mặt).

* Người chứng kiến: Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/4/2023 sau khi ăn uống xong tại nhà L xong, Trần Văn L có hành vi rủ và được Nguyễn Ngọc L,

Đình Văn K, Lâm Văn T, Phùng Đình H đồng ý đánh bạc bằng hình thức đánh sâm ăn tiền, tại phòng ngủ ở tầng hai nhà L.

Khi cả bọn đã ngồi xuống chiếu đã trải sẵn dưới nền nhà, L đem ra 01 bộ bài tu lơ khơ rồi cả bọn thống nhất cách thức đánh sâm ăn tiền như sau: mỗi người được chia mười quân bài, người chia bài đánh trước, ai chơi hết 10 quân trước thì người đó thắng, những người còn lại là người thua và ai còn bao nhiêu quân bài sẽ nhân với 5.000đ một quân thì ra số tiền phải trả cho người thắng. Nếu người nào không đánh được lá bài nào trong lần chơi gọi là “treo” thì phải trả cho người thắng 80.000đ, người nào báo sâm mà không ai bắt được thì những người chơi còn lại là thua phải trả cho người được sâm 100.000đ, bắt tứ quý hai là nếu bài của ai có bốn quân giống nhau mà bắt được hai thì sẽ phải trả cho người bắt được là 100.000đ. Tất cả cùng nhau đánh bạc đến 16h30p cùng ngày thì bị Công an xã N - Phúc Yên bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Trong vụ án này: L sử dụng 4.030.000đ, K sử dụng 1.800.000đ, T sử dụng 1.520.000đ, H sử dụng 1.000.000đ, L sử dụng 915.000đ, để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 9.265.000đ.

* Về xử lý vật chứng:

- Số tiền: 9.265.000đ là tiền các bị can sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân + 01 chiếc chiếu cói đã cũ, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 04 chiếc Điện thoại di động (ĐTDD) tạm giữ của các bị cáo: Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đình Văn K, Lâm Văn T không liên quan đến vụ án, đề nghị trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 02/CT - VKSPY ngày 08 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đình Văn K, Lâm Văn T và bị cáo Phùng Đình H về tội “Đánh bạc” theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đình Văn K, Lâm Văn T và bị cáo Phùng Đình H. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội

đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đinh Văn K, Lâm Văn T và bị cáo Phùng Đình H phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 10 (Mười) đến 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 (Hai mươi) đến 22 (Hai mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo L số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 09 (Chín) đến 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 20 (Hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo L số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Văn K từ 08(Tám) đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (Mười sáu) đến 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo K số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Văn T từ 08 (Tám) đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 20 (Hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Đình H từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ đi thời gian đã tạm giữ 03 ngày (từ ngày 15 đến ngày 18/4/2023). Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 3 là khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.265.000 đồng;

tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân + 01 chiếc chiếu cói đã cũ; trả lại cho bị cáo Trần Văn L 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu NOKIA, bị cáo Nguyễn Ngọc L 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone 11 promax, bị cáo Đinh Văn K 01 ĐTDD Samsung Galaxy Not 8 màu đen, bị cáo Lâm Văn T 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone XS màu vàng gold, tất cả đều đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 09 tháng 5 năm 2023 Tòa án đã ra Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn số: 03/2023/QĐ-TA đối với vụ án theo đúng quy định. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng thủ tục rút gọn, Tòa án đã hoãn phiên tòa do có bị cáo vắng mặt, vụ án có nhiều bị cáo và thời hạn áp dụng thủ tục rút gọn đã hết nên Tòa án đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, thời hạn tố tụng của vụ án được tính tiếp theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự kể từ ngày có Quyết định này là đúng theo quy định tại Điều 458 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Quyết định truy tố mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Hồi 16h30 phút ngày 15/4/2023, tại nhà ở của bị cáo Trần Văn L ở thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an xã N, thành phố Phúc Yên bắt quả tang: Trần Văn L - sinh năm 1964, Nguyễn Ngọc L - sinh năm 1966, Đinh Văn K - sinh năm 1974, Lâm Văn T - sinh năm 1967, Phùng Đình H - sinh năm 1963, đều trú tại xã N, thành phố P, đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh sâm ăn tiền.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Quyết định truy tố số: 02/CT - VKSPY ngày 08 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người trưởng thành, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được Bộ luật Hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Từ tội đánh bạc có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xét xử mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đinh Văn K, Lâm Văn T, Phùng Đình H đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này bị cáo Trần Văn L là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo; các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đinh Văn K, Lâm Văn T, Phùng Đình H là những đồng phạm tham gia tích cực nhưng vì không có sự phân công, bàn bạc nên đây là

đồng phạm giản đơn và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm mà mình đã gây ra. Tuy nhiên, trước khi phạm tội các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đinh Văn K, Lâm Văn T, Phùng Đình H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Nguyễn Ngọc L có bệnh lý nền thường xuyên tái phát; bị cáo Nguyễn Ngọc L và bị cáo Phùng Đình H đã từng đi bộ đội; bố đẻ bị cáo Đinh Văn K là ông Đinh Ngọc T là thương binh loại A và là người có công với cách mạng; bố đẻ bị cáo Lâm Văn T có huân chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy: Bị cáo Trần Văn L là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác chơi đánh bạc tại nhà của mình nhưng số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là ít nhất trong năm bị cáo; bị cáo Nguyễn Ngọc L sử dụng số tiền 4.030.000đ nhiều nhất trong năm bị cáo để tham gia chơi đánh bạc; bị cáo Đinh Văn K sử dụng số tiền 1.800.000đ nhiều thứ hai sau bị cáo L để tham gia chơi đánh bạc. Tuy nhiên các bị cáo L, L, K được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, các bị cáo có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lâm Văn T, bị cáo Phùng Đình H thấy rằng: Bị cáo Lâm Văn T sử dụng số tiền 1.520.000đ vào việc đánh bạc nhiều thứ 3 sau bị cáo L, bị cáo K, bị cáo Phùng Đình H sử dụng số tiền 1.000.000đ vào việc đánh bạc nhiều thứ 4 sau bị cáo L, K, T. Tuy nhiên các bị cáo T, H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, vị trí vai trò thấp hơn so với các bị cáo L, L, K, bị cáo T và bị cáo H có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T còn có nơi làm việc ổn định, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo T, H ra khỏi xã hội và cũng không phải áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo được trừ đi thời gian đã tạm giữ 03 ngày (từ ngày 15 đến ngày 18/4/2023) và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập của bị cáo T, bị cáo H thấy rằng: Theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo Lâm Văn T quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ, bị cáo là công chức, có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng là 8.570.000đồng (theo Bản thanh toán tiền lương ngày 01/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P), với nguồn thu nhập như trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần khấu trừ ở mức khởi điểm là 5% thu nhập của bị cáo T để sung quỹ nhà nước là phù hợp. Đối với bị cáo Phùng Đình H không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy vì mục đích tư lợi các bị cáo L, L, K, T, H thực hiện hành vi đánh bạc ăn tiền nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp. Tuy nhiên căn cứ vào nhân thân hiện nay của các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền ở mức khởi điểm là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền tiền 9.265.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là số tiền sử dụng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân + 01 chiếc chiếu cói đã cũ là tài sản của Trần Văn L sử dụng nhằm mục đích cho các đối tượng đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu NOKIA của Trần Văn L; 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone 11 promax của Nguyễn Ngọc L; 01 ĐTDD Samsung Glaxy Not 8 màu đen của Đình Văn K; 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone XS màu vàng gold của Lâm Văn T 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone XS màu vàng gold, tất cả đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đình Văn K, Lâm Văn T và bị cáo Phùng Đình H phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn L 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 (Hai mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo L số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo L số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc L cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Văn K 08(Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo K số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Đinh Văn K cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ (Từ ngày 15/4/2023 đến ngày

18/4/2023), quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 (Mười bốn) tháng 21 (Hai mươi một) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo Lâm Văn T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lâm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Lâm Văn T bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Lâm Văn T số tiền là 428.500 đồng/tháng, trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Văn T số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Đình H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ (Từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/4/2023), quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi một) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo Phùng Đình H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phùng Đình H cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Phùng Đình H bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo H.

Phạt bổ sung bị cáo Phùng Đình H số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.265.000 đồng (Chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếu cói đã cũ.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu xanh đã cũ cho bị cáo Trần Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax có số Imei 353893104685590 cho bị cáo Nguyễn Ngọc L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu đen cho bị cáo Đinh Văn K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng gold có số Imei 357222096831689 cho Lâm Văn T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Ngọc L, Đinh Văn K, Lâm Văn T, Phùng Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thịnh Doãn Thị Vệ

Vũ Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hiền